

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2744/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/ Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1340/2020/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6199/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị H, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Thường trú: Xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Tạm trú: 103 đường số x, khu phố y, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Tấn B, sinh năm 1986 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Thường trú: Thôn x, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận

Tạm trú: 103 đường số x, khu phố y, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2020, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đào Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị H và ông Phạm Tấn B tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 27/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống

hạnh phúc đến tháng 4/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm về cuộc sống, ông B có tính vũ phu, mỗi khi vợ chồng xảy ra tranh cãi là ông B bạo hành bà H. Vì vậy từ tháng 10/2020 cho đến nay bà H, ông B đã sống ly thân nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Tấn B.

- Về con chung: Bà H và ông B có 01 người con chung tên Phạm Đào Thảo N, sinh ngày 17/02/2020, hiện nay do bà trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà H thay đổi yêu cầu, bà H không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có.

Bị đơn ông Phạm Tấn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông B thống nhất với lời trình bày của bà H về việc xác lập quan hệ hôn nhân cũng như quá trình chung sống của hai vợ chồng. Về mâu thuẫn vợ chồng, theo ông B là do bất đồng quan điểm. Hiện nay, xét hạnh phúc không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng sống ly thân đã lâu không hàn gắn được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

- Về con chung: Ông B xác nhận vợ chồng ông có 01 người con chung tên Phạm Đào Thảo N, sinh ngày 17/02/2020. Nay ly hôn ông đồng ý giao con chung cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; hiện nay do tình hình dịch bệnh nên ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông B trình bày, hiện nay hai vợ chồng ông B, bà H có tài sản chung là số tiền 100.000.000 đồng (trăm triệu đồng) do bà H đang quản lý. Tuy nhiên ông B và bà H tự thỏa thuận giải quyết với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Ông B xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của nguyên đơn, bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Phạm Tấn B cư trú tại số 103 đường số x, khu phố y, phường L, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; bà Đào Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Tấn B, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa bà H, ông B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 89 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận chứng nhận ngày 27/9/2019 có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đào Thị H và ông Phạm Tấn B là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà H xin được ly hôn là có căn cứ, bởi lẽ tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính. Trong cuộc sống, vợ chồng phải chăm sóc và thương yêu lẫn nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự.

Bà H, ông B đều xác định giữa hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau và hiện nay sống ly thân nên bà H yêu cầu được ly hôn, ông B cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thị H và ông Phạm Tấn B theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Tên Phạm Đào Thảo N, sinh ngày 17/02/2020 hiện nay do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, ông B đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng. Để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống của trẻ nên giao cho bà H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án bà H rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng của bà H đối với ông B.

[2.4]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị H tại phiên tòa sơ thẩm cụ thể:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Đào Thị H và ông Phạm Tấn B.

(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 27/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận).

1.2 Về con chung: Giao người con chung tên Phạm Đào Thảo N, sinh ngày 17/02/2020 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

1.3. Đình chỉ yêu cầu của bà Đào Thị H về việc yêu cầu ông Phạm Tấn B cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng

1.4. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5 Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng bà H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0058460 ngày 18/12/2020 của Chi cục

Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

4. Quyền yêu cầu Thi hành án: “Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, H. Đ,
tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu